

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CAO VÀ
DU LỊCH SINH THÁI KHE CHÈ

-----***-----

TÓM TẮT BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: TRANG TRẠI TỔNG HỢP HỒ KHE CHÈ

ĐỊA ĐIỂM

**THÔN 10, XÃ LÝ TRẠCH, HUYỆN BỐ TRẠCH,
TỈNH QUẢNG BÌNH**

QUẢNG BÌNH, NĂM 2023

CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CAO VÀ
DU LỊCH SINH THÁI KHE CHÈ

-----***-----

TÓM TẮT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: TRANG TRẠI TỔNG HỢP HỒ KHE CHÈ

ĐỊA ĐIỂM

THÔN 10, XÃ LÝ TRẠCH, HUYỆN BỐ TRẠCH,
TỈNH QUẢNG BÌNH



Lê Hữu Tiến



Lê Thành Linh

Chương 1 MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN

1. TÓM TẮT DỰ ÁN

1.1. Thông tin chung về dự án

1.1.1. Tên dự án:

Trang trại tổng hợp hồ Khe Chè.

1.1.2. Tên chủ dự án:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nông Nghiệp Cao và Du lịch Sinh Thái Khe Chè.
- Địa điểm thực hiện: Thôn 10, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.
- Người đại diện: Ông Lê Hữu Tiến Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0886.903.577

1.1.3. Vị trí địa lý

a. Vị trí địa lý của Dự án

Dự án “Trang trại tổng hợp hồ Khe Chè” có diện tích 38.613,30m², thuộc thôn 10, xã Lý Trạch, huyện Bố Trạch. Các phía tiếp giáp của Dự án như sau:

- + Phía Đông giáp đất nông nghiệp.
- + Phía Bắc giáp hồ Khe Chè (bàu Vững Chè) và đất nông nghiệp.
- + Phía Tây giáp đường tránh Quốc lộ 1 đoạn qua thành phố Đồng Hới.
- + Phía Nam giáp đất nông nghiệp.

Bảng 1.1: Tọa độ ranh giới khu đất Dự án

Hệ tọa độ VN-2000 kinh tuyến trục 106° múi chiếu 3'

TÊN ĐIỂM	TỌA ĐỘ	
	Y	X
D1	559311.48	1936614.26
D2	559381.89	1936571.08
D3	559084.77	1936197.34
D4	559072.78	1936198.38
D5	559045.86	1936264.61
D6	559112.42	1936339.14
D7	559100.37	1936418.32

b. Hiện trạng khu dân cư và các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội có khả năng bị tác động trong quá trình hoạt động của Dự án

- Hệ thống giao thông của khu vực: Dự án có điều kiện giao thông khá thuận lợi, phía Nam khu vực lập quy hoạch giáp đường tránh Đồng Hới. Trong khu vực lập quy hoạch có các đường đất hiện trạng có bề rộng từ 2-4m.



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí xây dựng Dự án

- Hệ thống sông, suối, hồ, mặt nước:

Phía Bắc giáp với khu vực dự án có nguồn nước mặt hồ Khe Chè.

Qua khảo sát và hỏi ý kiến người dân trong vùng, thì khu vực thực hiện Dự án không bị ngập lụt vào mùa mưa lũ.

- Dân cư:

Qua khảo sát hiện trạng khu vực cho thấy, trong khu vực Dự án không có nhà dân sinh sống chỉ có một nhà tạm đang bỏ hoang.

- Các đối tượng sản xuất, kinh doanh xung quanh khu vực Dự án:

Bao quanh Dự án là diện tích đất nông nghiệp. Quanh khu vực Dự án không có cơ sở sản xuất, kinh doanh nào đang hoạt động.

- Các đối tượng kinh tế - xã hội khác:

Trong bán kính 1km từ Dự án không có các trường học, chợ, bệnh viện, trang trại, di tích lịch sử, công trình văn hóa... hay các đối tượng dễ bị tổn thương khác.

1.1.4. Hiện trạng của Dự án:

*** Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của Dự án:**

Dự án Tổng diện tích đất Quy hoạch là 38.613,30m².

Hiện trạng: Theo bản đồ địa chính dùng chung, hiện trạng sử dụng là đất trồng cây lâu năm và rừng sản xuất.

Từ thực tế khảo sát địa hình. Trong khu vực Quy hoạch dự án không có công trình xây dựng.

TT	Hạng mục	Diện tích m²
1	Đất rừng sản xuất	2.414,9
2	Đất cây lâu năm	36.198,4
	Tổng	38.613,3

Dự án “Trang trại tổng hợp hồ Khe Chè” có diện tích 38.613,3m², đã được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư, tại Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình, và đã được cấp Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình.

1.1.5. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của Dự án

*** Mục tiêu của Dự án**

- Cung cấp các sản phẩm nông nghiệp sạch cho thị trường.
- Thu hút được sự tham gia, phối hợp của các cơ quan chức năng, các tổ chức khoa học công nghệ trong việc phổ biến, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ mới cho người dân;

- Tạo việc làm và thu nhập cho một bộ phận lao động trong khu vực, tăng thu cho ngân sách địa phương.

* **Loại hình Dự án:** Dự án Trang trại tổng hợp.

* **Quy mô xây dựng của Dự án:** Dự án được đầu tư trên tổng diện tích 38.613,3m², bao gồm các hạng mục sau:

TT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ XĐTĐ (%)	Tầng cao (tầng)	Hệ số SĐĐ tối đa (lần)
-----------	------------------------------	----------------	----------------------------------	------------------	------------------------	------------------------	-------------------------------

A	Đất xây dựng trang trại tổng hợp		36.170,22	93,67	5	≤1	0,05
1	Sân bãi	A	420,54	1,09			
2	Đất xây dựng công trình	B	3.965,39	10,27	43	≤1	
2.1	Nhà bảo vệ và kho chứa đồ	B1	707,26				
2.2	Kho chứa đồ	B2	314,33				
2.3	Khu vệ sinh	B3	36,00				
2.4	Nhà chế biến, phân loại và bảo quản nông sản	B4	1.115,96				
2.5	Nhà nghỉ của công nhân	B5	1.791,84				
3	Khu chăn nuôi gia cầm, chim cảnh (quy mô nhỏ)	C	1.762,23	4,56			
4	Đất trồng cây	D	24.591,85	63,69			
4.1	Lô đất số 1	D1	3.056,13				
4.2	Lô đất số 2	D2	13.453,54				
4.3	Lô đất số 3	D3	2.021,52				
4.4	Lô đất số 4	D4	262,76				
4.5	Lô đất số 5	D5	199,40				
4.6	Lô đất số 6	D6	217,17				
4.7	Lô đất số 7	D7	2.605,91				
4.8	Lô đất số 8	D8	2.775,42				
5	Mặt nước	E	1.403,59	3,63			
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	H	637,16	1,65			
6.1	Lô đất số 1	H1	363,48				
6.2	Lô đất số 2	H2	90,18				
6.3	Lô đất số 3	H3	63,50				
6.4	Lô đất số 4	H4	120,00				
7	Đất giao thông nội bộ		3.389,46	8,78			
B	Đất hành lang bảo vệ đường điện	F	1.236,71	3,20			
C	Đất giao thông đối ngoại		1.206,37	3,13			
	Tổng diện tích lập quy hoạch	TTTH	38.613,30	100,00			

Bảng 1.1: Bảng quy mô xây dựng của Dự án

* Khu vực lập quy hoạch chủ yếu bố trí các không gian sản xuất nông nghiệp, các công trình xây dựng chỉ chiếm một diện tích nhỏ trong tổng diện tích dự án; các công trình xây dựng có hình thức kiến trúc chủ yếu là một tầng, sử dụng các vật liệu kiến trúc gần gũi, thân thiện với môi trường và hài hòa với không gian sản xuất,

không gian cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Các khu đất trồng cây được phân theo khu vực, theo các chức năng chính như sau:

- + Khu trồng hoa mùa vụ;
- + Khu trồng cây ăn quả;
- + Khu trồng cây có màng che chắn;
- + Khu vực trồng cây chà là;
- + Khu trồng rau xanh;
- + Khu trồng cây dược liệu;

Mỗi khu vực trồng cây được phân chia cho hợp lý và đảm bảo cảnh quan cho trang trại.

- Khu vực chăn nuôi gia cầm, chim cảnh (quy mô nhỏ) được bố trí ở phía Đông ranh giới lập quy hoạch. Số lượng chăn nuôi cũng được hạn chế số lượng để đáp ứng được các điều kiện về vệ sinh môi trường;

Trong khu đất quy hoạch cũng được quy hoạch hồ cá dựa theo các đường kênh tự nhiên vốn có.

Khu nhà nghỉ công nhân được bố trí ở khu vực giáp với đường giao thông chính, để tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận di chuyển đến các khu vực khác nhau trong khu vực.

- Các khu vực nhà chế biến, phân loại và bảo quản nông sản cũng được bố trí ở khu vực gần nhà nghỉ công nhân để thuận tiện cho việc di chuyển đi lại của công nhân;

- Hành lang bảo vệ đường điện cũng được giữ nguyên theo hiện trạng.

- Khu đất xây dựng công trình bao gồm: Nhà nghỉ cho người lao động và các khu vực phụ trợ phục vụ sản xuất khác: Lô đất ký hiệu B tầng cao không chế ≤ 1 tầng.

- Đất xây dựng Khu chăn nuôi gia cầm, chim cảnh (quy mô nhỏ) có ký hiệu C, tầng cao không chế ≤ 1 tầng.

- Khu trồng cây, sân bãi: Các lô đất ký hiệu D,A không được phép xây dựng công trình.

- Mật độ xây dựng toàn khu $\leq 5\%$, số tầng cao tối đa toàn khu ≤ 1 tầng.

1.1.5. Các hoạt động của dự án

a. Trong giai đoạn xây dựng

Cải tạo, xây dựng mới các hạng mục công trình.

b. Trong giai đoạn hoạt động

Chăn nuôi gia cầm, chim cảnh và trồng cây

1.2. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

1.2.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa khu vực quy hoạch đảm bảo thoát nước hoàn toàn theo độ dốc san nền, tập trung thoát ra Bàu Vững Chè phía Tây Bắc dự án.

- Thiết kế hệ thống rãnh đỉnh phía Tây Nam khu vực thu gom nước mưa khu vực đồi cao phía Tây đang chảy tràn về phía dự án.

- Thiết kế hệ thống rãnh thoát nước để thu gom nước mưa quanh các khu trồng cây có màng che chắn và tuyến mương chạy dọc theo tuyến đường giao thông nội bộ của dự án, tập trung thu gom vào hai bể xử lý sơ bộ, các hóa chất bảo vệ thực vật tồn dư (nếu có). Nước sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 08-MT:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, Bảng 1 cột 1 đảm bảo xả ra Bàu Vững Chè dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi.

Bảng 1.2: Tổng hợp hệ thống thoát nước.

TT	Cấu kiện	Đơn vị	Khối lượng (m)
1	Rãnh thoát nước B600	m	1.007
2	Rãnh thoát nước D600	m	48
3	Bể xử lý nước mặt	Bể	2
4	Cửa xả	cái	3

1.2.2. Hệ thống thu gom và thoát nước thải

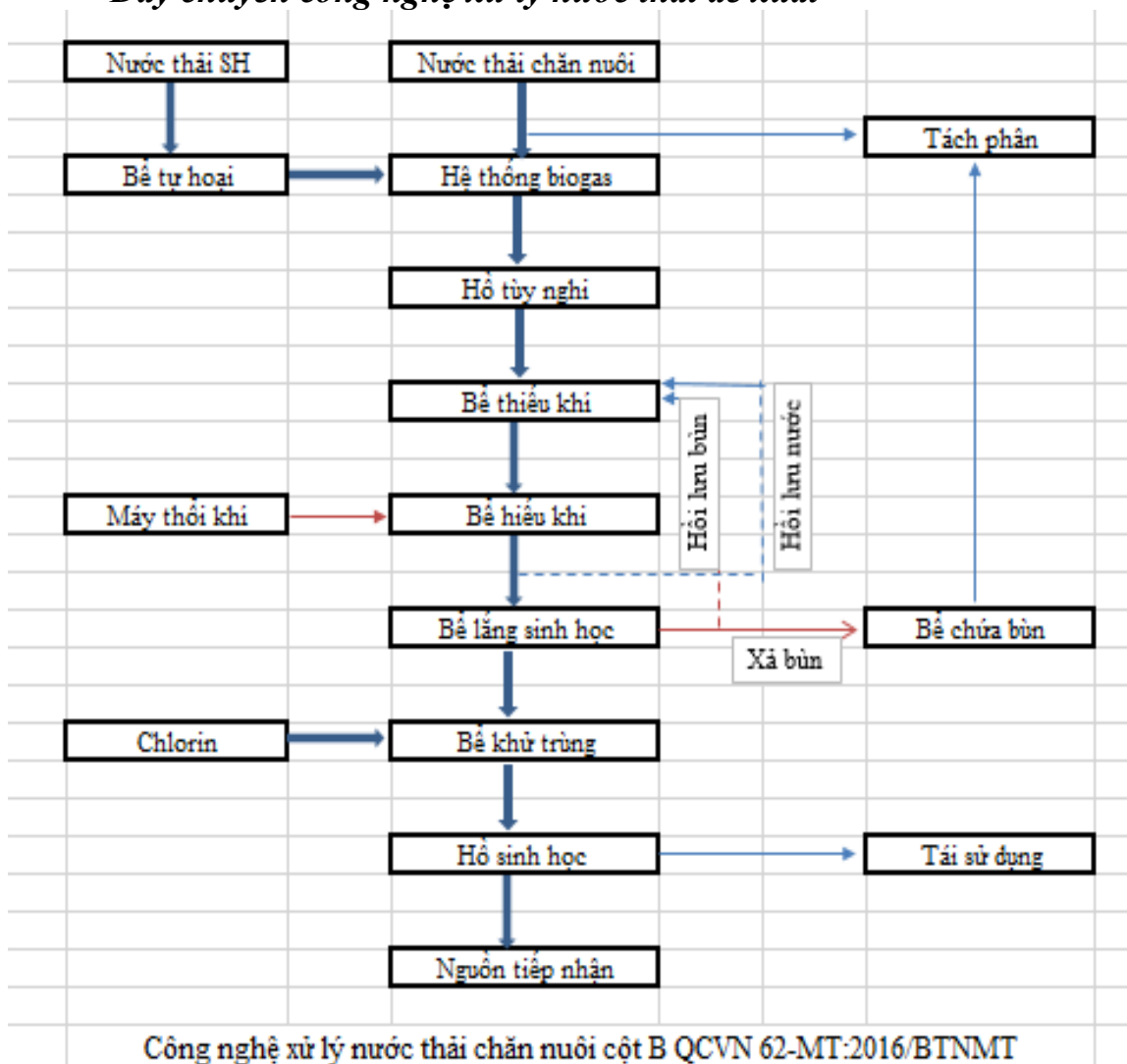
- Nước thải sinh hoạt từ các khu nhà ở của công nhân, khu chăn nuôi sau khi được xử lý sơ bộ tại tự hoại, bể Biogas sẽ được thu gom vào các tuyến Trạm xử lý nước thải tập trung phục vụ cho của dự án.

- Trạm xử lý nước thải phục vụ cho dự án được thiết kế đặt tại khu đất phía Đông Bắc dự án, gần Bàu Vững Chè, đảm bảo khoảng cách ly môi trường đối với khu vực nhà ở công nhân tối thiểu 100m theo tiêu chuẩn. Nước thải sau khi được xử lý đạt quy chuẩn QCVN62-MT:2016/BTNMT, mức B “Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải chăn nuôi”, sẽ được phép xả ra khu vực hồ cấp nước phục vụ sản xuất.

Bảng 1.3: Thống kê khối lượng thoát nước thải.

TT	Cấu kiện	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống HDPE D150	m	17
2	Ống HDPE D315	m	150
3	Hố ga	cái	10
4	Trạm xử lý nước thải chăn nuôi	Trạm	1
5	Điểm tập kết rác thải	Trạm	1

*** Dây chuyền công nghệ xử lý nước thải đề xuất**



Hình 1.2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải

1.2.3. Hạng mục thu gom chất thải rắn, chất thải nguy hại

*** Chất thải rắn sinh hoạt:**

Đặt các thùng chứa CTR trong khu vực trang trại, rác thải sẽ được thu gom định kỳ và hợp đồng với đơn vị thu gom rác trên địa bàn để thu gom xử lý.

*** Phân gia cầm:**

Phân gia cầm lẫn nước phát sinh trong ngày chảy về bể lắng sẽ được tách phân bằng máy ép phân, nước thải sẽ theo đường ống chảy về hầm Biogas, phân heo được đưa về khu vực ủ để tiến hành ủ làm phân compost bón cho cây trồng.

*** Chất thải nguy hại:**

Kho chứa CTNH được bố trí tại nhà kho phía Đông Bắc khu vực chăn nuôi gia cầm. Tại kho bố trí 02 thùng đựng CTNH 200l, có dán nhãn CTNH, 01 thùng đựng dầu mỡ, giẻ lau và 01 thùng đựng thuốc thú y, hoá chất... Việc lưu giữ, quản lý và thời gian lưu giữ chất thải nguy hại đảm bảo theo quy định tại Thông tư số

02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án, nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Nguyên, nhiên, vật liệu trong giai đoạn xây dựng

a. Các loại nguyên vật liệu

Bảng 1.4. Khối lượng và chiều dài vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng

TT	Chủng loại (vị trí nguồn cung cấp)	Khối lượng (tấn) (*)	Chiều dài tuyến đường vận chuyển (km)	Tổng chiều dài tuyến đường vận chuyển (km)
1	Đá xây dựng (mỏ đá Khe Chuối, xã Phú Định)	210	10	420
2	Cát xây (mỏ cát ở Chánh Hòa, xã Nam Trạch)	328	14	918,4
3	Xi măng (các đại lý ở thị trấn Hoàn Lão)	160	13	416
4	Gạch (Nhà máy gạch Chánh Hòa, xã Nam Trạch)	251	14	702,8
5	Sắt, thép (các đại lý ở thị trấn Hoàn Lão)	175	13	455
	Tổng	1.124		2.912

(*): Theo Dự toán xây dựng của Dự án

b. Cấp nước

Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ Bàu Vũng Chè và nước sạch tại các cửa hàng tạp hóa trong khu vực.

c. Cấp điện

* Lưới điện trung áp 22KV:

- Hiện có tuyến đường dây 22 kV – XT 473 TBA 110 KV Bắc Đồng Hới đi qua khu vực lập quy hoạch.

- Xây dựng đường dây 22KV đi từ điểm đầu nối đến vị trí TBA trong khu vực lập quy hoạch.

d. Các máy móc, thiết bị thực hiện Dự án

Bảng 1.5: Danh mục máy móc thiết bị

TT	Loại máy thi công	Lượng nhiên liệu tiêu thụ trong 1 ca làm việc (*)	Số lượng (chiếc)
1	Máy ủi 110CV	46 lít diesel	1
2	Máy đào gầu 0,65 m ³	59 lít diesel	1
3	Xe lu 16T	38 lít diesel	1
4	Ôtô tự đổ 10tấn	46 lít diesel	2

5	Máy đầm bê tông, đầm dùi 1,5kW		2
6	Máy bơm nước		1
7	Máy phát điện		1
8	Máy trộn bê tông 250 lít		1

(Nguồn: Báo cáo đầu tư xây dựng dự án)

Ghi chú: (*): Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

1.3.2. Nhu cầu nguyên, nhiên, vật liệu trong giai đoạn hoạt động

a. Nguồn thức ăn gia cầm, và giống cây trồng

Thức ăn cho gia cầm là thức ăn hỗn hợp, sản xuất công nghiệp, và giống cây trồng được mua từ Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi của Chủ dự án TNHH Thức ăn chăn nuôi Golden Star, tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

b. Cấp nước

Nguồn cấp nước: Nguồn cấp nước cho khu vực lập quy hoạch được lấy từ Bàu Vũng Chè và giếng khoan.

- Phương án cấp nước:

+ Cấp nước sinh hoạt: Nguồn cấp nước được lấy từ giếng khoan, qua hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn nước sạch theo QCVN 01:2009/BYT. Nước cấp trực tiếp lên kết mái của nhà nghỉ công nhân, từ kết mái cấp xuống các TBVS cần dùng nước.

+ Hệ thống cấp nước tưới cây trồng trong nhà màng dự lấy từ nước ngầm giếng khoan, qua hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn nước sạch theo QCVN 01:2009/BYT. Nước sau khi được xử lý được dẫn vào bể chứa nước dung tích 60m³ từ bể chứa bơm đến hệ thống các bồn inox. Mỗi bồn nước inox sẽ dùng để cấp nước

+ Trộn phân bón cấp đến mỗi nhà kính, nhà lưới bằng hệ thống tự động.

+ Hệ thống cấp nước cho vật nuôi được lấy từ giếng khoan, qua hệ thống xử lý đạt tiêu chuẩn nước sạch theo QCVN 01:2009/BYT.

+ Hệ thống cấp nước tưới cây trồng ngoài trời được lấy từ khe chè, bơm tưới trực tiếp cho cây.

+ Nguồn cấp nước cho thác nước nhân tạo, nguồn nước lấy từ Bàu Vũng Chè, dẫn vào bể chứa nước ngầm rồi bơm cấp cho thác nước.

+ Nguồn cấp nước cho chữa cháy được bơm trực tiếp từ hồ khe Chè.

+ Bố trí các van chặn đầu tại các nút tính toán và các van xả khí, xả cạn để quản lý vận hành và sửa mạng lưới an toàn.

c. Cấp điện

* Lưới điện trung áp 22KV:

- Hiện có tuyến đường dây 22 kV – XT 473 TBA 110 KV Bắc Đồng Hới đi qua khu vực lập quy hoạch.

- Xây dựng đường dây 22KV đi từ điểm đầu nối đến vị trí TBA trong khu vực lập quy hoạch.

* Lưới điện hạ áp 0,4KV:

- Xây dựng hệ thống đường dây 0.4KV từ TBA đến các phụ tải dọc theo các tuyến đường, khu vực cây xanh cảnh quan và mặt cắt trong khu vực lập quy hoạch

* Xây dựng TBA 22/0,4 KV:

- Xây dựng 01 TBA có công suất 50 KVA đặt tại các vị trí thuận lợi cấp điện cho công trình.

- Vị trí xây dựng TBA phù hợp với quy hoạch khu đất và đảm bảo các yêu cầu kinh tế - kỹ thuật như càng gần tâm phụ tải càng tốt nhằm tiết kiệm dây dẫn, giảm tổn thất điện áp.

- Vị trí xây dựng TBA thuận lợi xây dựng đường dây ra vào trạm, quản lý vận hành, phát triển tuyến cho các phụ tải và đảm bảo hành lang bảo vệ lưới điện và TBA theo các quy định hiện hành.

Bảng 1.6: Tổng hợp khối lượng cấp điện.

TT	Cấu kiện	Đơn vị (m)	Khối lượng
1	Đường dây 22KV xây mới	m	50
2	Tuyến cáp 0,4KV xây mới	m	497
3	Tuyến cáp chiếu sáng xây mới	m	497
4	Trạm biến áp 50KVA	Trạm	01

1.4. Biện pháp tổ chức thi công

a. San nền:

Địa hình khu vực dự án có độ cao không đồng đều, địa hình thoải dần về phía Bắc. Tổng diện tích Dự án là 38.613,30m², Quá trình san gạt mặt bằng thực hiện trong phạm vi dự án, khối lượng đào được tận dụng để đắp tại các vị trí thấp trũng nên không có phát sinh đất dư thừa trong quá trình san gạt mặt bằng.

b. Thi công đường nội bộ

+ Định vị kích thước hình học nền đường và cao độ bằng thước dây và máy kinh vĩ, thủy bình;

+ Dùng máy đào, xe vận chuyển đất cát;

+ Dùng máy ủi san gạt đất đúng cao độ nền đường;

+ Máy san tạo phẳng nền đường;

+ Máy lu lu lèn nén chặt.

c. Công tác thi công ống cấp nước, mương thoát nước mưa:

- Xác định vị trí công và cao độ móng công;

- Định vị tim hố móng;

- Đào đất hố móng công đạt yêu cầu thiết kế;

- Thi công lớp đá dăm hoặc lớp bê tông đệm móng công đạt kích thước và khối lượng bản vẽ;

- Lắp dựng ván khuôn thi công phần móng công;

- Tiến hành lắp dựng cốt thép, ván khuôn, đổ bê tông đáy, thành và nắp công;

- Đắp đất giáp thổ hai bên công, hoàn thiện;

- Thi công các hạng mục khác.

d. Giải pháp thi công các khu nhà

- Thi công móng: Giai đoạn đào móng và gia cố nền các công trình xây dựng, giai đoạn này sử dụng máy đào, máy xúc để đào móng và gia cố nền móng cho các công trình cần thiết.

- Quá trình xây dựng cơ bản: Công đoạn này sử dụng máy cẩu, xe lu, xe vận chuyển, máy phối trộn bê tông,... để thực hiện các hoạt động như: xây móng, đổ bê tông, xây tường, lắp khung kèo thép, mái tole, đóng tháo cốt pha,... Nguyên liệu sử dụng trong giai đoạn này gồm: cát, đá, xi măng, sắt thép,...

- Công tác bê tông, cốt thép:

+ Cốt thép, ván khuôn được gia công tại xưởng sau đó được vận chuyển ra vị trí. Cốt thép phải sạch, đặt buộc đúng thiết kế, quá trình vận chuyển tránh xô lệch, ván khuôn phải kín tránh mất nước trong quá trình đổ bê tông.

+ Cốp pha các loại móng của Dự án dùng loại cốp pha thép định hình để có thể luân chuyển thi công được cho nhiều vị trí. Sàn thao tác kê bằng đà gỗ, lót bằng ván hoặc thép tấm.

+ Đổ bê tông liên tục tới khi hoàn thành, tránh phân tầng, chiều cao rơi tự do của hỗn hợp bê tông không vượt quá 1,5m. Khi chiều cao rơi tự do của hỗn hợp bê tông hơn 1,5m đều được chuyển qua máng dẫn hoặc ống vòi xuống ống dẫn của khối móng đúc; tất cả các khối bê tông đều được đầm bằng đầm dùi hoặc đầm bàn.

- Quá trình hoàn thiện công trình: bao gồm các công việc như: vét vôi, sơn tường, lắp ráp các hệ thống thoát nước, cấp nước, điện,...

1.5. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

a. Tiến độ thực hiện Dự án:

- Quý IV năm 2024: Hoàn thiện các thủ tục phê duyệt Dự án và xin giấy phép xây dựng;

- Quý I, Quý II năm 2024: Thi công các hạng mục Dự án;

- Quý III năm 2024: Nghiệm thu và vận hành.

b. Vốn đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án là 23,09 tỷ đồng.

c. Tổ chức quản lý và thực hiện Dự án

- Chủ đầu tư: Ông Lê Hữu Tiến.

- Hình thức quản lý Dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý và điều hành.

- Trong thời gian thi công Dự án:

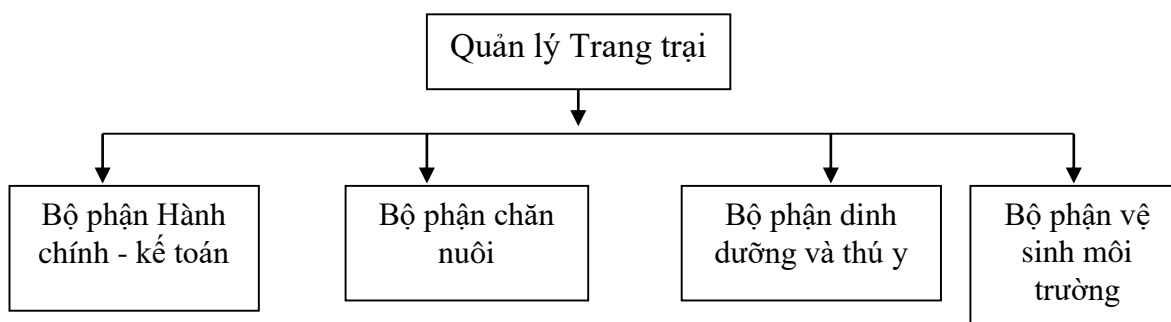
+ Số lượng cán bộ, công nhân trực tiếp thi công tại công trường khoảng 15 người. Người lao động sẽ dựng lán trại để ăn ở, sinh hoạt tại khu vực Dự án.

+ Chủ dự án lựa chọn đơn vị quản lý để trực tiếp giám sát các nhà thầu.

+ Chủ dự án trực tiếp thực hiện nghiệm thu công trình với các nhà thầu.

- Trong thời gian vận hành Dự án:

Tổng số lao động làm việc tại Trang trại là 20 người. Trang trại hoạt động theo sơ đồ tổ chức sản xuất dưới đây:



Hình 1.3. Sơ đồ tổ chức nhân sự của Dự án